TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hoàng Anh.
2. Bà Phạm Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/03/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hứa Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mã Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Mã Thị D và anh Hứa Văn Đ có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc lừa dối và tổ chức đám cưới theo nghi lễ cổ truyền. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xảy ra cãi vã về những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh Hứa Văn

Đ là người nóng tính, hay nói tục, mắng chửi vợ và cho rằng chị Mã Thị D phụ thuộc vào kinh tế của anh Đ trong khi hai vợ chồng cùng mở tiệm kinh doanh làm tóc; thậm chí, anh Đ nhiều lần còn đánh chị D trước mặt con cái, thường xuyên mắng chửi chị D trước mặt khách hàng khiến chị cảm thấy bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Anh Đ có nhiều lần có lời nói nghi nghờ vợ lấy trộm tiền, mặc dù chị D không được lấy, nhưng để không cãi nhau làm con cái sợ hãi nên chị tự thừa nhận là người lấy tiền và sau đó thì anh Đ lại tìm thấy tiền.

Đỉnh điểm vào tháng 6/2021, anh Hứa Văn Đ liên tục công kích, xúc phạm khiến cho chị Mã Thị D bị tổn thương danh dự, tinh thần xuy sụp nên đã quyết Đ nộp đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn. Tại Tòa án bị đơn đã xin lỗi, hứa sẽ thay đổi bản thân cùng vợ chăm sóc con cái; gia đình hai bên nội ngoại cũng khuyên nhủ rất nhiều nên chị D đã đặt lòng tin, tha thứ cho anh Đ và rút đơn ly hôn. Tuy nhiên sau khi rút đơn, anh Đ bắt chị nhận sai về việc nộp đơn ly hôn đến Tòa án trước đó nhưng chị D không đồng ý nên hai vợ chồng xảy ra xô xát 03 lần, có lần chồng bóp cổ chị trước mặt hai đứa con khiến các con sợ hãi, la hét. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2021 đến nay, chị ở nhà với các con, còn anh Đ ở tại cửa hàng. Chị Mã Thị D xác định không còn tình cảm, nếu tiếp tục chung sống với nhau sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên nhất quyết yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hứa Khánh U, sinh ngày 07/7/2010, cháu Hứa Khánh H, sinh ngày 08/10/2012. Do chị D chuẩn bị phải đi làm xa nên có nguyện vọng khi ly hôn sẽ giao cho anh Hứa Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và chị Mã Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000đ/1con/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh Hứa Văn Đ không đồng ý, chị Mã Thị D đề nghị được nuôi dưỡng giáo dục cháu Hứa Khánh U đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và anh Hứa Văn Đ được quyền nuôi dưỡng giáo dục cháu Hứa Khánh H đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại các lời khai, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Hứa Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn Đ và chị Mã Thị D có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc lừa dối và tổ chức đám cưới theo nghi lễ cổ truyền.

Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng không quá lớn, thỉnh thoảng có xô sát, cãi vã nhưng không đến mức phải ly hôn. Khoảng đầu tháng 5/2021, vì hai

vợ chồng sống chung một nhà nhưng cả tháng không quan hệ vợ chồng nên anh có bực mình, lớn tiếng và lỡ lời bảo chị D làm đơn ly hôn, nên chị D mới nộp đơn ra Tòa án. Sau đó, anh Đ có xin lỗi và gia đình nội ngoại hai bên khuyên nhủ nên chị D đã rút đơn về. Được một thời gian thì lại mâu thuẫn rồi ly thân, anh Đ sống ở cửa hàng của gia đình, còn chị D sống ở nhà cùng các con.

Anh Đ thừa nhận đôi khi có nặng lời, nóng tính nhưng sau đó đã xin lỗi và biết mình sai, bản thân vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn có một gia đình đủ bố, đủ mẹ cho các con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên mặc dù đã được Tòa án hòa giải, nhưng đến tại phiên tòa chị D vẫn có đơn nhất quyết ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Khi ly hôn anh Đ yêu cầu nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đã đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Mã Thị D được ly hôn với anh Hứa Văn Đ. Anh Hứa Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hứa Khánh U và cháu Hứa Khánh H đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị Mã Thị D tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000 đồng/01 con/tháng cho đến khi các con 18 tuổi, điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi; thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người không thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu trả lãi suất chậm trả. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mã Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly

hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Hứa Văn Đ, cư trú tại thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Mã Thị D, tuy nhiên nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy đã có lời khai trình bày rõ yêu cầu, đề nghị nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập có đủ cơ sở để xác định Chị Mã Thị D và anh Hứa Văn Đ có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài; nguyên nhân do anh Đ là người nóng tính, tính cách gia trưởng hay nói tục, xúc phạm danh dự của chị D; có lần đánh chị D trước mặt con cái và khách hàng gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý của vợ và các con. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách khắc phục để cuộc sống hạnh phúc hơn nhưng không chuyển biến. Chị D đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án một lần nhưng sau đó đã rút đơn để đoàn tụ và cho anh Đ cơ hội sửa chữa lỗi lầm, Tòa án đã đình chỉ giải quyết. Tuy nhiên, được một thời gian vợ chồng lại xảy ra xô xát, bản thân chị D xác Đ không còn tình cảm và không quan tâm đến cuộc sống của anh Đ dẫn đến việc hai vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành khuyên bảo chị D và anh Đ hóa giải mâu thuẫn, đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc; nhưng chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại nên nhất quyết ly hôn, để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm bất kỳ lần nào nữa.

[4] Kết quả xác minh ngày 25/3/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, bà Đỗ Thị H *(mẹ ruột của anh Ma Văn Đ)* trình bày giữa vợ chồng con trai bà mấy năm gần đây có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn cụ thể là gì thì bà không biết do vợ chồng không cho ông bà biết, nay chị D yêu cầu ly hôn bà để cho các con tự quyết mặc dù bà không mong muốn vợ chồng con trai bà ly hôn. Tại phiên tòa anh Đ nhất trí ly hôn vì vợ nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý; thấy rằng mặc dù bị đơn mong muốn đoàn tụ nhưng để mâu thuẫn, ly thân diễn ra trong thời gian dài và không có biện pháp cải thiện, thay đổi mặc dù đã từng được giải quyết tại Tòa án. Hơn nữa việc anh Đ mong muốn đoàn tụ chủ yếu với lý do là cho các con có đủ bố mẹ. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Mã Thị D và anh Hứa Văn Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận theo quy Đ tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Nguyện vọng của chị D là hiện tại chị D chuẩn bị đi làm ăn xa nên không thuận tiện cho việc chăm sóc con cái nên mong muốn anh Đ sẽ là người nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành và

chị D sẽ cấp dưỡng nuôi con chung. Về việc phân định người nuôi con, anh Đ cũng nhất trí và mong muốn được nuôi 02 con chung nhưng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy nguyện vọng của hai con chung ngày 10/3/2022, cháu Hứa Khánh U và cháu Hứa Khánh H đều trình bày các cháu không muốn bố mẹ ly hôn, trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với bố. Về điều kiện nuôi con anh Đ đang có chỗ ở, công việc có cửa hàng cắt tóc có thu nhập ổn Đ, đảm bảo khả năng nuôi sống bản thân và hai người con sinh hoạt học tập bình thường như những đứa trẻ khác, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của hai con chung trên 07 tuổi. Việc giao 02 con chung cho anh Hứa Văn Đ nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ăn ở, sinh hoạt và mức thu nhập để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu phát triển, trưởng thành.

[6] Để đảm bảo cho điều kiện của các con chung được tốt nhất chị Mã Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000 đồng/01 con/tháng cho đến khi các con 18 tuổi phù hợp với khả năng kinh tế của chị D và cũng là trách nhiệm của chị D. Việc anh Đ có ý kiến không cần chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung, một mình anh vẫn đủ điều kiện chăm sóc các con trưởng thành; xét thấy việc cấp dưỡng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con chung nên cần ghi nhận tự sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị D. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực phát luật thi hành và người không thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[8] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Mã Thị D có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[10] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Mã Thị D được ly hôn với anh Hứa Văn Đ.

(Đăng ký kết hôn số 26 ngày 27/3/2009 của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung:

Anh Hứa Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hứa Khánh U, sinh ngày 07/7/2010 và cháu Hứa Khánh H, sinh ngày 08/10/2012 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ghi nhận việc chị Mã Thị D tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000đ/01 con/01 tháng (một triệu đồng/một con/một tháng); thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi các con chung bắt đầu từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp mà bên được thi hành (anh Hứa Văn Đ) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành (chị Mã Thị D) không chịu trả hoặc chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác Đ theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền phải thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp không thỏa thuận được và có tranh chấp thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Khoản nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Mã Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp Ngân sách Nhà nước; xác nhận chị Mã Thị D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2021/0004171 ngày 08/3/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nay còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Anh Hứa Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Mã Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường